

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 6 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tinh

Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C; cư trú tại thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lưu Thiện C1; cư trú tại thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Lưu Thiện C1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 08 tháng 4 năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn N, xã T đến năm 2010 thì chuyển đến ở tại thôn K, xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm

cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên mặc dù vợ chồng ở chung cùng nhà nhưng thực tế đã sống ly thân với nhau; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Nguyễn Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Thiện C1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lưu Minh T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2004 và Lưu Thiện T1, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2005; hiện tại các con chung do bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà Nguyễn Thị C đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà và ông C1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ly hôn, bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 01 năm 2020, bị đơn là ông Lưu Thiện C1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng như bà Nguyễn Thị C đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian dài; đến gần đây vợ chồng có xảy ra va chạm do bất đồng quan điểm sống nhưng mâu thuẫn chưa đến mức căng thẳng, trầm trọng. Nay bà Nguyễn Thị C xin ly hôn, ông Lưu Thiện C1 đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như bà Nguyễn Thị C trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, ông Lưu Thiện C1 đồng ý để bà Nguyễn Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận.

Về tài sản: Nếu ly hôn, ông Lưu Thiện C1 không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lưu Thiện C1; về con chung, giao các con chung Lưu Minh T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2004 và Lưu Thiện T1, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2005 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài

sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, ông Lưu Thiện C1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Lưu Thiện C1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông Lưu Thiện C1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Nguyễn Thị C và ông Lưu Thiện C1 kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 08 tháng 4 năm 2003. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Lưu Thiện C1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lưu Thiện C1. Ông Lưu Thiện C1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có các giải pháp để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, không có mặt đầy đủ tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Thiện C1.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lưu Thiện C1 có 02 con chung Lưu Minh T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2004 và Lưu Thiện T1, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2005. Ly hôn các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên được chấp nhận.

[4] Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lưu Thiện C1.

2. Về con chung: Giao các con chung Lưu Minh T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2004 và Lưu Thiện T1, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2005 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Nguyễn Thị C đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004643 ngày 31 tháng 12 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch

